

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

Tên Công ty: Công ty cổ phần tư vấn và đầu tư xây dựng CCIC Hà Nội
Năm báo cáo: 2018

I. THÔNG TIN CHUNG:

1. Thông tin khái quát

- Tên giao dịch: Công ty cổ phần tư vấn và đầu tư xây dựng CCIC Hà Nội
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 0103007859
- Vốn điều lệ: 10.000.000.000
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: 10.000.000.000
- Địa chỉ: 21 Huỳnh Thúc Kháng, Đống Đa, Hà Nội
- Số điện thoại: 024 37730114
- Số fax: 024 37730196
- Website: www.ccichn.com.vn
- Mã cổ phiếu: CCH

Quá trình hình thành và phát triển:

- Việc thành lập:

Công ty cổ phần Tư vấn và Đầu tư Xây dựng CCIC Hà Nội có lịch sử hình thành và phát triển qua các giai đoạn:

+ Công ty Thiết kế kỹ thuật Giao thông vận tải trực thuộc Sở Giao thông Vận tải Hà Nội được thành lập theo Quyết định số 973/QĐ-TC ngày 20/3/1984 của Ủy ban Nhân dân Thành phố Hà Nội.

+ Công ty Khảo sát Thiết kế Giao thông công chính Hà Nội được thành lập theo Quyết định số 2368/QĐ-UB ngày 16/5/1990 trên cơ sở sáp nhập giữa hai đơn vị: Công ty Thiết kế Kỹ thuật Giao thông Vận tải thuộc Sở Giao thông Vận tải Hà Nội và Xí nghiệp Thiết kế và Sửa chữa công trình đô thị thuộc Sở Công trình Đô thị Hà Nội.

+ Tháng 3/1995, Công ty Khảo sát Thiết kế Giao thông công chính Hà Nội được đổi tên thành Công ty Tư vấn Đầu tư Xây dựng Giao thông công chính Hà Nội theo Quyết định số 702/QĐ-UB ngày 31/3/1995 của Ủy ban Nhân dân Thành phố Hà Nội.

- Chuyển đổi sở hữu thành công ty cổ phần:

Năm 2005, Công ty Tư vấn Đầu tư Xây dựng Giao thông công chính Hà Nội chuyển từ Doanh nghiệp Nhà nước thành Công ty Cổ phần Tư vấn và Đầu tư Xây dựng CCIC Hà

Nội theo Quyết định số 1680/QĐ-UB ngày 07/4/2005 của Ủy ban Nhân dân Thành phố, và đã được Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố cấp giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh Công ty cổ phần số 0103007859 ngày 11/5/2005.

2. Ngành nghề kinh doanh

- Khảo sát địa hình, địa chất công trình, địa chất thủy văn, thí nghiệm xác định các chỉ tiêu kỹ thuật của đất đá nền móng các công trình xây dựng, khảo sát kinh tế - xã hội và điều tra lưu lượng giao thông;
- Lập quy hoạch các khu đô thị, khu công nghiệp và quy hoạch hệ thống cơ sở hạ tầng;
- Lập dự án tiền khả thi, dự án khả thi và lập tổng dự toán các công trình: Kiến trúc dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi, cấp - thoát nước, công viên cây xanh, khu vui chơi giải trí, xử lý kỹ thuật môi trường, cung cấp điện dân dụng và chiếu sáng công cộng;
- Thiết kế kỹ thuật các công trình:
 - + Thiết kế tổng mặt bằng xây dựng công trình, kiến trúc công trình, nội ngoại thất công trình;
 - + Thiết kế các công trình cầu, đường bộ;
 - + Thiết kế hệ thống điện chiếu sáng đô thị, công cộng, hệ thống điện điều khiển tín hiệu giao thông, đường dây và trạm biến áp đến 35KV, thiết kế điện đối với công trình xây dựng dân dụng, công nghiệp, trạm bơm;
 - + Thiết kế hệ thống cấp thoát nước khu đô thị và nông thôn, thiết kế cấp thoát nước đối với công trình xây dựng dân dụng, công nghiệp, công trình cấp thoát nước và môi trường nước;
 - + Thiết kế kè, cống, hệ thống thoát nước, kênh, mương;
 - + Thiết kế công trình công cộng (hè, sân, vườn); quy hoạch hạ tầng đô thị;
 - + Thiết kế kết cấu đối với công trình hạ tầng kỹ thuật, công trình trùng tu tôn tạo di tích văn hoá;
- Tư vấn thẩm định dự án và tổng mức đầu tư, thẩm định hồ sơ thiết kế kỹ thuật và tổng dự toán công trình;
- Tư vấn quản lý dự án như: Tư vấn giám sát kỹ thuật (tư vấn giám sát chất lượng xây dựng, tư vấn giám sát xây dựng công trình giao thông, giám sát thi công), tư vấn lập hồ sơ mời thầu, lập hồ sơ địa chính và cắm mốc giải phóng mặt bằng;
- Tổ chức kinh doanh dịch vụ công cộng, dịch vụ giao thông vận tải, dịch vụ thương mại, dịch vụ du lịch - khách sạn;
- Đầu tư xây dựng các khu đô thị, khu công nghiệp, khu du lịch, khu vui chơi giải trí (trừ các loại hình vui chơi, giải trí Nhà nước cấm), phát triển nhà ở và kinh doanh bất động sản;
- Thực hiện tổng thầu EPC, BOT, BT các dự án xây dựng cơ sở hạ tầng;
- Thi công xây dựng và thực nghiệm chuyển giao công nghệ mới các công trình: Kiến trúc dân dụng, nhà ở, giao thông, thủy lợi, các công trình hạ tầng kỹ thuật;

- Sản xuất và kinh doanh vật liệu xây dựng, máy móc thiết bị;
- Đánh giá chỉ tiêu cơ lý của các loại vật liệu xây dựng, đánh giá tác động môi trường, quan trắc biến dạng công trình;
- Lập quy hoạch hệ thống giao thông: các công trình văn hoá, di tích, thể thao, vui chơi giải trí;
- Lập báo cáo đầu tư, dự án đầu tư xây dựng, báo cáo kinh tế kỹ thuật các công trình xây dựng;
- Phân tích đánh giá lựa chọn nhà thầu, kiểm định chất lượng vật liệu xây dựng và công trình xây dựng;
- Dịch vụ quản cáo và dịch vụ vui chơi giải trí; Kinh doanh điện lực;
- Thiết kế công trình xây dựng biển;
- Thiết kế công trình cảng - đường thủy;
- Thiết kế công trình thủy lợi, thủy điện;
- Thiết kế công trình hạ tầng kỹ thuật đô thị;
- Thiết kế quy hoạch xây dựng, thiết kế kiến trúc công trình;
- Thi công xây dựng và thực nghiệm chuyển giao công nghệ mới các công trình văn hoá, hạ tầng xã hội, thủy điện.

3. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý

- Mô hình quản trị:
 - + Đại hội đồng cổ đông
 - + Hội đồng quản trị
 - + Giám đốc công ty
 - + Ban kiểm soát
- Cơ cấu bộ máy quản lý: *Xem Phụ lục 1- Sơ đồ tổ chức và quản lý công ty*
- Các công ty con, công ty liên kết: Không có

4. Định hướng phát triển:

a. Các mục tiêu chủ yếu của công ty

Công ty Cổ phần Tư vấn và Đầu tư Xây dựng CCIC Hà Nội xây dựng và phát triển nhằm mục tiêu:

- Không ngừng nâng cao lợi ích của các cổ đông và người lao động.
- Tăng tích lũy và phát triển sản xuất kinh doanh của Công ty.
- Góp phần thiết thực vào việc thực hiện các nhiệm vụ phát triển kinh tế xã hội của Thủ đô và đất nước.

b. Chiến lược phát triển trung và dài hạn

- Tập trung phát triển sản xuất kinh doanh vào ngành nghề truyền thống của Công ty : Tư vấn thiết kế các công trình giao thông, hạ tầng kỹ thuật đô thị...

- Tăng cường tìm kiếm thêm việc làm, tập trung vào các đối tác chiến lược lâu năm của Công ty, các dự án BT và BOT, các dự án liên danh liên kết với nước ngoài...
- Lãnh đạo Công ty chỉ đạo điều hành sát sao các đơn vị sản xuất thực hiện các công trình trọng điểm, có tính thanh khoản cao đảm bảo đáp ứng các yêu cầu về tiến độ của các Chủ đầu tư.
- Thực hiện các giải pháp nhằm nâng cao chất lượng sản phẩm: Xây dựng và vận hành quy trình sản xuất theo tiêu chuẩn ISO 9001-2015 đặc biệt là quy trình khảo sát -thiết kế.
- Từng bước có giải pháp nâng cao chất lượng nguồn nhân lực. Có chế độ đãi ngộ xứng đáng đối với người lao động chất lượng cao, có tinh thần làm việc tích cực, chủ động, sáng tạo đạt hiệu quả cao trong công việc.
- Tiết giảm tối đa chi phí sản xuất, nắm rõ yêu cầu của khách hàng để tránh phải làm đi làm lại nhiều lần gây lãng phí chi phí sản xuất.

II. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh:

Một số chỉ tiêu sản xuất kinh doanh CCIC đã đạt được trong năm 2018:

- Giá trị sản lượng: **18,0 tỷ đồng** (đạt 100% kế hoạch ĐC)
- Giá trị doanh thu: **10,914 tỷ đồng** (đạt 68,2% kế hoạch ĐC)
- Giá trị hợp đồng đã ký kết: **15,523 tỷ đồng**

(Công trình Công ty giao chiếm đến 84%)

- Thu nhập bình quân: **6,3 triệu đồng/người/tháng**

2. Tổ chức và nhân sự:

- Danh sách ban điều hành : ***Xem Phụ lục 2 – Danh sách Ban điều hành***
- Những thay đổi trong Ban điều hành: Không có
- Số lượng cán bộ công nhân viên : 55 người (Tính đến thời điểm 31/12/2018)
- Chính sách đối với người lao động:

Xác định nguồn nhân lực - con người là tài sản lớn nhất, quý nhất đối với doanh nghiệp tư vấn, là nền tảng cho sự phát triển, Công ty đã xây dựng và phát triển chính sách ưu đãi hợp lý với người lao động, thực hiện dưới các hình thức sau:

- Quan tâm phát hiện, đào tạo và sử dụng những cán bộ có chuyên môn tốt; có khả năng quản lý, điều hành hiệu quả, có tâm huyết xây dựng Công ty làm nguồn cho nhân sự quản lý các cấp của Công ty.
- Tiếp tục tuyển dụng các kỹ sư được đào tạo bài bản về các chuyên ngành phục vụ cho nhiệm vụ sản xuất kinh doanh của Công ty là tư vấn các công trình hạ tầng kỹ thuật giao thông - đô thị, đảm bảo đủ số lượng và chất lượng để triển khai công tác sản xuất.
- Thu hút cả các chuyên gia giỏi về các lĩnh vực mà Công ty còn yếu, thiếu.

- Công ty tiếp tục bổ sung hoàn chỉnh các quy định về đào tạo, sử dụng và đãi ngộ người lao động để anh chị em gắn bó với Công ty, những lao động giỏi có trách nhiệm với công việc có đời sống ổn định, có điều kiện phát triển các mặt.

- Thường xuyên tiến hành phân loại lao động, có bước đi cụ thể để giảm bớt những người năng lực yếu, làm việc không nghiêm túc trong toàn Công ty.

3. Tình hình đầu tư, thực hiện các dự án:

a. Các khoản đầu tư lớn: Không có

b. Các công ty con, công ty liên kết: Không có

4. Tình hình tài chính

a. Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh:

ĐVT: Triệu đồng

Chỉ tiêu	Năm 2018	Năm 2017	% tăng giảm so với cùng kỳ
1	2	3	4=2/3
Tổng giá trị tài sản	48.677	54.381	(10%)
Doanh thu thuần	10.914	19.533	(44%)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	(1.943)	(2.650)	27%
Lợi nhuận khác	2.116	3.479	(39%)
Lợi nhuận trước thuế	172	829	(79%)
Lợi nhuận sau thuế	83	594	(86%)
Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức	0%	5%	

b. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu:

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2018	Năm 2017
1	Cơ cấu tài sản - Tài sản dài hạn/ Tổng tài sản - Tài sản ngắn hạn/Tổng tài sản	%	5.89% 94.11%	7.23% 92.77%
2	Cơ cấu nguồn vốn - Nợ phải trả/Tổng nguồn vốn - Nguồn vốn chủ sở hữu/Tổng nguồn vốn	%	75.55% 24.45%	77.20% 22.80%
3	Khả năng thanh toán - Khả năng thanh toán nhanh - khả năng thanh toán hiện hành	lần lần	0.88 1.25	0.93 1.22
4	Tỷ suất lợi nhuận - ROA (Lợi nhuận sau thuế/tổng tài sản) - ROE (Lợi nhuận sau thuế/ Nguồn vốn chủ sở hữu)	%	0.17% 0.70%	1.09% 4.80%

5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

a. Cổ phần:

- Tổng số cổ phần: 1.000.000 cổ phần
- Số cổ phần chuyển nhượng tự do: 993.600 cổ phần
- Số cổ phần hạn chế chuyển nhượng: 6.400 cổ phần

b. Cơ cấu cổ đông:

STT	Cổ đông	Số lượng	Số lượng (cổ phần)	Giá trị (Đồng)	Tỷ lệ (%)
I	Trong nước	185	1.000.000	10.000.000.000	100
1	Tổ chức trong nước	1	300.000	3.000.000.000	30
2	Cá nhân trong nước	184	700.000	7.000.000.000	70
II	Nước ngoài	-	-	-	-
1	Tổ chức nước ngoài	-	-	-	-
2	Cá nhân nước ngoài	-	-	-	-
III	Cổ phiếu quỹ	-	-	-	-
	Tổng cộng	185	1.000.000	10.000.000.000	100

c. Danh sách cổ đông nắm giữ từ trên 5% vốn cổ phần của Công ty

STT	Cổ đông	Giấy CN ĐKKD/ Số CMT	Số lượng (cổ phần)	Giá trị (Đồng)	Tỷ lệ (%)
1	Tổng công ty đầu tư phát triển hạ tầng đô thị	106000369	300.000	3.000.000.000	30,00
2	Đặng Văn Châu	011078481	79.380	793.800.000	7,94
3	Nguyễn Quốc Hùng	010303203	74.450	744.500.000	7,44
4	Nguyễn Thị Thu Thủy	011902450	70.790	707.900.000	7,08
	Tổng cộng		524.620	5.246.200.000	52,46

d. Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu:

Trong năm 2018 vốn đầu tư của chủ sở hữu không thay đổi.

III. BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ CỦA BAN GIÁM ĐỐC:

A. Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2018

1. Về sản xuất kinh doanh:

Năm vừa qua, Công ty đã hoàn thành và đang tiếp tục thực hiện một số công trình tiêu biểu sau:

- *Lập BCNC tiền khả thi, dự án khả thi dự án đầu tư xây dựng đường Vành đai I, đoạn Hoàng Cầu – Voi Phục;*
- *KS-TKBVTC Dự án đầu tư mở rộng đường Vành đai 3 đoạn Mai Dịch - Cầu Thăng Long;*
- *Dự án đầu tư kinh doanh HTKT cụm công nghiệp CN3, H. Sóc Sơn (Bước DA);*
- *Thẩm tra TKBVTC và dự toán Dự án xây dựng tuyến đường Vành đai 3,5 (các đoạn Km 0+600-Km1+700; Km2+050-Km2+550; Km3+340-Km5+500);*
- *Dự án khu đô thị mới – công viên trung tâm Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước;*
- *Gói thầu số 03-BT: thẩm tra hồ sơ TKBVTC DA xây dựng các tuyến đường giao thông đấu nối hạ tầng các khu đô thị, dân cư quận Hà Đông;*
- *Các công trình do Ban quản lý dự án công trình GTĐT thành phố Hà Nội, quận Thanh Xuân, Quận Long Biên, Nam Từ Liêm làm Chủ đầu tư;*
- *Một số dự án BT: đường 70 Hà Đông-Văn Điển ; Lê Trọng Tấn - Vành Đai 3...*

Chất lượng hồ sơ sản phẩm còn khá nhiều tồn tại cần phải khắc phục nâng cao hơn nữa, đặc biệt là việc phối hợp giữa các đơn vị, việc phản hồi ý kiến khách hàng... nhằm đáp ứng được yêu cầu ngày càng tăng của khách hàng.

Việc áp dụng ISO 9001-2008 tại các đơn vị sản xuất trực tiếp chưa thực sự nghiêm túc nên đã xảy ra những bất cập trong quá trình triển khai thực hiện. Việc lập KHCL cho mỗi dự án chưa được các đơn vị thực hiện đúng quy định.

Một số chỉ tiêu sản xuất kinh doanh CCIC đã thực hiện trong năm 2018:

Giá trị sản lượng	: 18/18 tỷ đồng	(đạt 100% kế hoạch điều chỉnh)
Giá trị doanh thu	: 10,91/16 tỷ đồng	(đạt 68,2% kế hoạch điều chỉnh)
Giá trị hợp đồng đã ký kết	: 15,523 tỷ đồng	
(Trong đó : Công trình Công ty giao chiếm đến 84%)		
Thu nhập bình quân	: 6,3 triệu đồng/người/tháng	
Cổ tức	: 0%	

(Do doanh thu hoàn thành và lợi nhuận đều rất thấp)

Công tác tìm kiếm thêm việc làm rất hạn chế do những nguyên nhân khách quan gây khó khăn lớn cho việc thực hiện kế hoạch của năm 2018 và năm tiếp theo. Tuy một số đơn vị và cá nhân đã tích cực và chủ động nhưng giá trị các hợp đồng đơn vị tìm được vẫn thấp (chỉ chiếm 16% tổng GTHĐ đã ký kết).

Do hoạt động sản xuất kinh doanh giảm sút nghiêm trọng, Công ty đã không hoàn thành được chỉ tiêu kế hoạch về doanh thu năm 2018 (mặc dù đã được điều chỉnh giảm 30% so với đầu năm), thu nhập của người lao động bị ảnh hưởng nặng nề gây tâm lý bất ổn cho người lao động.

Kết quả sản xuất kinh doanh năm 2018 của từng đơn vị trực thuộc được thể hiện chi tiết ở bảng dưới đây:

Đơn vị tính : tỷ đồng

T T	Tên đơn vị	Sản lượng			Doanh thu			Ghi chú
		Kế hoạch điều chỉnh	Thực hiện	Tỷ lệ % hoàn thành (TH/KH)	Kế hoạch điều chỉnh	Thực hiện	Tỷ lệ % hoàn thành (TH/KH)	
1	Xí nghiệp Tư vấn 1	7,0	7,45	106%	3,2	2,520	79%	
2	Xí nghiệp Tư vấn 2	4,5	4,54	101%	8,5	4,864	57%	
3	XN Khảo sát - Thiết kế	3,0	2,03	68%	2,0	1,788	89%	
4	Phòng Tư vấn giám sát	0,4	0,45	112%	0,2	-0,001	-1%	
5	P.Quản lý chất lượng + Cầu đường cũ	0,6	0,58	98%	0,7	0,303	43%	
6	Công ty	2,5	2,8	118%	1,4	1,439	103%	Bao.gồm cả LD
	CỘNG	18,0	18,005	100%	16,0	10,913	68,2%	

2. Công tác tài chính:

Các chỉ tiêu tài chính cơ bản của CCIC năm 2018 như sau: (Đơn vị : tỷ đồng)

- Giá trị các Chủ đầu tư thanh toán cho Công ty : 14,704
- Giá trị Công ty đã thanh toán cho các đơn vị : 10,398
- Công ty hỗ trợ cho các đơn vị
- + Công nợ 31/12/2017 mang sang : 6,389
- + Giá trị Công ty hỗ trợ đơn vị từ 01/01 đến 31/12/2018 : 2,849
- + Giá trị các đơn vị đã trả Công ty từ 01/01 đến 31/12/2018 : 2,523
- + Giá trị các đơn vị còn nợ Công ty đến 31/12/2018 : 6,716
- Nợ phải thu từ các Chủ đầu tư đến 31/12/2018 : 24,260
- Nợ phải trả (đã được tạm ứng - chưa có nghiệm thu) : 11,632

- Nhìn chung tình hình tài chính của Công ty năm qua rất khó khăn, đa số doanh thu từ các đơn vị đều không đạt được kế hoạch giao nên nguồn thu từ dịch vụ tư vấn bị hạn chế rất nhiều, ảnh hưởng lớn đến mọi mặt hoạt động của đơn vị. Công ty đã phải huy động các nguồn lực để hỗ trợ các đơn vị chi tạm ứng tiền lương và các chi phí sản xuất khác.

- Đã nộp Bảo hiểm xã hội hết năm 2018 tạo điều kiện giải quyết chế độ cho cán bộ công nhân viên, nộp các loại thuế đạt 73% kế hoạch đăng ký với Cơ quan thuế. Trả nợ ngân hàng gốc và lãi đúng kỳ hạn.

3. Các công tác khác:

- Đã điều chỉnh, phê duyệt, ban hành quy chế tổ chức sản xuất và hạch toán nội bộ Công ty đưa vào áp dụng từ ngày 01/01/2019.

- Năm 2018, Công ty đã được Sở Công thương TP Hà Nội cấp Giấy phép hoạt động điện lực số 38/GP-SCT, tạo điều kiện thuận lợi cho hoạt động SXKD.

- Sáp nhập Xí nghiệp Tư vấn 3 vào Xí nghiệp Tư vấn 2 và điều động cán bộ nhân viên của Xí nghiệp Tư vấn 3 về một số đơn vị tại Công ty cho phù hợp với tình hình thực tế.

- Dự thảo hệ thống các văn bản liên quan đến việc cấp chứng nhận Hệ thống quản lý chất lượng 9001-2015 thay thế cho chứng nhận cũ đã hết hạn.

- Tổ chức khám sức khỏe định kỳ năm 2018 và gia hạn thẻ Bảo hiểm y tế năm 2019 cho CBCNV Công ty.

B. Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2019

1. Các chỉ tiêu SXKD:

Bước sang năm kế hoạch 2019, việc tìm kiếm thêm việc làm rất khó khăn, một số hợp đồng có giá trị lớn đang thực hiện có khả năng bị cắt giảm khối lượng hoặc đã thực hiện một phần nhưng đang dừng lại chờ chủ trương để ký hợp đồng tiếp tục thực hiện. Tuy nhiên bên cạnh đó cũng đã xuất hiện những thuận lợi ban đầu sẽ có những ảnh hưởng trực tiếp đến hoạt động SXKD của Công ty. Mặc dù vậy, để đảm bảo được đời sống cho người lao động và xây dựng Công ty ổn định, phát triển, CCIC phấn đấu đạt các chỉ tiêu kế hoạch năm 2019 như sau:

Sản lượng	:	20 tỷ
Doanh thu	:	17 tỷ
Thu nhập bình quân	:	8,0 triệu đồng/ người/ tháng
Cổ tức	:	5%

2. Các giải pháp thực hiện

Để đạt được mục tiêu trên, CCIC cần thực hiện các giải pháp mang tính đột phá thì mới mong khắc phục được tình trạng yếu kém hiện nay:

2.1 Về Quản trị Công ty :

- Hoàn chỉnh một số văn bản quản lý Công ty trên cơ sở rà soát tổng thể và phù hợp với điều kiện hiện nay của Công ty;

- Cân nhắc về vấn đề phát triển nguồn nhân lực phù hợp với điều kiện thực tế nhằm nâng cao năng lực sản xuất.

2.2 Về tìm kiếm việc làm chỉ đạo điều hành :

- Tăng cường tìm kiếm việc làm: duy trì các mối quan hệ truyền thống, tích cực mở rộng thị trường, khuyến khích và tạo cơ chế khen thưởng cho các tập thể và cá nhân tìm kiếm được việc làm.

- Công ty và Các đơn vị tập trung chỉ đạo và thực hiện các dự án trọng điểm của thành phố và các dự án có tính thanh khoản cao đáp ứng yêu cầu về chất lượng và tiến độ :

+ *TKBVTC đầu tư kinh doanh HTKT cụm công nghiệp CN3, quy mô 78,195ha, địa điểm huyện Sóc Sơn, thành phố Hà Nội;*

+ *Dự án khu đô thị mới công viên Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước (bước TKBVTC);*

+ *Dự án mở rộng đường Đỗ Xuân Hợp và cống hóa thành mương kín tuyến mương Nguyễn Cơ Thạch đến hết đường Đỗ Xuân Hợp;*

+ *Dự án cống hóa mương kín để làm đường giao thông tuyến mương Đồng Bông;*

+ *Dự án đường Phan Kế Bính (bước TKBVTC);*

+ *Dự án cải tạo, nâng cấp đường tỉnh lộ 179 đoạn Dốc Lờ đến ngã ba đường 18, huyện Gia Lâm;*

+ *06 gói thầu thuộc Dự án công viên công nghệ phần mềm Hà Nội (Liên danh với Hacid và hợp tác với Tư vấn Nhật Bản)*

- Đặc biệt quan tâm đến công tác kiểm soát chất lượng hồ sơ sản phẩm, nâng cao vai trò của công tác soát xét tại đơn vị.

- Các kỹ sư chủ nhiệm dự án cần chủ động, tích cực hơn nữa trong quá trình thực hiện dự án (đặc biệt là các dự án trọng điểm). Ban Giám đốc Công ty, Hội đồng khoa học sẽ thường xuyên chủ trì các cuộc họp chuyên môn chỉ đạo và giúp đỡ các đơn vị, các Chủ nhiệm đồ án giải quyết những vướng mắc.

- Thực hiện việc thanh toán tiền lương đáp ứng được yêu cầu của người lao động, phù hợp với năng suất lao động.

- Hoàn thành và đưa vào sử dụng có hiệu quả quy trình ISO 9001-2015; Quan tâm hơn nữa đến việc phản hồi ý kiến khách hàng, không để tình trạng tái diễn hiện tượng không có phản hồi khi khách hàng đã có ý kiến; Nhất thiết phải lập Kế hoạch chất lượng trước khi bắt đầu triển khai thực hiện hợp đồng.

2.3 Về Tài chính :

- Công ty và các đơn vị cần xây dựng Kế hoạch tài chính ngay từ đầu năm để có thể chủ động về nguồn thu nhằm tái đầu tư chi phí sản xuất đồng thời tiết giảm tối đa chi phí sản xuất.

- Tăng cường thu hồi công nợ từ các Chủ đầu tư, coi thu hồi công nợ là nhiệm vụ trọng tâm có phương án báo cáo đánh giá hàng tháng, hàng quý, từng bước giảm giá trị nợ phải thu.

2.4 Giải pháp khác:

- Trên cơ sở tình hình thực tế hiện nay, các Đơn vị và Công ty sớm nghiên cứu, đề xuất giải pháp mang tính ĐỘT PHÁ nhằm khắc phục những khó khăn vướng mắc hiện tại, tạo điều kiện nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh, nâng cao đời sống người lao động.

- Năm 2019, Công ty sẽ phải đối diện với rất nhiều khó khăn nhưng bên cạnh đó cũng có một số cơ hội. Chúng ta hy vọng rằng, với sự đoàn kết nhất trí, đồng lòng và sự nỗ lực không ngừng của toàn thể CBCNV, CCIC sẽ từng bước vượt qua khó khăn để đạt được những kết quả tốt đẹp.

IV. ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

A. Các mặt hoạt động của HĐQT năm 2018.

1. Công tác sản xuất kinh doanh:

- Kết quả SXKD Công ty năm 2018:

- + Sản lượng: 18,0 tỷ (đạt 100% KH 2018) - bằng 72% so với năm 2017.
- + Doanh thu: 10,913 tỷ (đạt 68% KH 2018) - bằng 56% so với năm 2017.
- + Hợp đồng kinh tế đã ký giá trị: 15,52 tỷ - bằng 68,6% so với năm 2017.

- Năm 2018 kết quả SXKD suy giảm mạnh so với năm 2017 do các nguyên nhân chủ quan và khách quan (thống nhất với báo cáo của Giám đốc Công ty).

2. Tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018:

- Hội đồng quản trị đã chỉ đạo công tác chuẩn bị, thông qua các báo cáo, tờ trình và tổ chức Đại hội đồng cổ đông năm 2018 đảm bảo thời gian cũng như các quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty.

- Căn cứ vào Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 và Nghị định số 71/2017/NĐ-CP, Hội đồng quản trị đã thuê tư vấn luật để sửa đổi Điều lệ và Quy chế quản trị Công ty, đã trình và được Đại hội đồng cổ đông năm 2018 thông qua ngày 24/4/2018.

3. Tổ chức các cuộc họp của Hội đồng quản trị:

Các cuộc họp HĐQT trong năm 2018 tập trung vào các nội dung:

- Thông qua các báo cáo về kết quả SXKD năm 2017 và nhiệm vụ kế hoạch năm 2018.
- Thông qua các báo cáo về tài chính và phân phối lợi nhuận năm 2017.
- Thông qua các báo cáo của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát.
- Bàn và quyết định các nội dung về cơ cấu tổ chức bộ máy; công tác cán bộ phù hợp tình hình hiện tại; công tác xây dựng quy chế và các biện pháp nâng cao năng lực quản lý, điều hành trong Công ty.

4. Việc thực hiện Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông 2018 và các nghị quyết của HĐQT trong năm 2018:

- Việc sửa đổi đăng ký kinh doanh theo hướng bổ sung người đại diện theo pháp luật chưa thực hiện được do cổ đông lớn là Tổng Công ty UDIC chưa có văn bản chấp thuận.
- Việc thực hiện một số nội dung về xây dựng các đề án, chuyên đề... của một số thành viên HĐQT chưa hoàn thành. Nguyên nhân do thời gian cuối năm bận công tác SXKD, thời gian thực hiện ngắn (3 - 4 tháng) và việc chưa thực sự tập trung, dành thời gian cho các nhiệm vụ được giao.

5. Chỉ đạo các đơn vị, phòng xác nhận, tổng hợp các số liệu báo cáo tài chính đến thời điểm 30/6/2018 để phục vụ việc xác định giá trị doanh nghiệp và công tác thoái vốn Nhà nước tại Công ty.

6. Giám sát hoạt động của Ban Giám đốc và các cán bộ điều hành.

- Thông qua các hoạt động SXKD, các buổi họp giao ban sản xuất, xây dựng quy chế... Hội đồng quản trị đã nắm bắt các hoạt động chung của Công ty, giám sát hoạt động của Ban Giám đốc và các cán bộ điều hành.

- Thực hiện quy chế quản trị Công ty, Hội đồng quản trị đã tổ chức đánh giá hoạt động của các cán bộ quản lý, điều hành trong Công ty năm 2018. Đây là lần đầu đánh giá hoạt động các cán bộ quản lý - điều hành của Công ty, các cán bộ diện đánh giá đã thực hiện đúng kế hoạch đề ra, nhiều cán bộ đã tự đánh giá rất nghiêm túc. Đây là kết quả bước đầu và cần rút kinh nghiệm trong thời gian tới (một vài cán bộ chưa nghiêm túc trong tự đánh giá; tiến tới xây dựng hệ thống tiêu chí, thang điểm để tự động đánh giá một cách khách quan).

7. Chi trả thù lao Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát:

- Hiện tại, Công ty chưa chi trả thù lao của Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát năm 2017, số liệu cụ thể như sau:

+ Thù lao Hội đồng quản trị: 58.889.000 đồng.

+ Thù lao Ban Kiểm soát: 27.483.000 đồng.

Tổng cộng: 86.372.000 đồng.

- Thù lao Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát năm 2018 đã được ĐHCĐ năm 2018 thông qua với mức 0,5% Doanh thu là 55.500.000 đồng.

B. Kế hoạch công tác của HĐQT năm 2019.

1. Tiếp tục bổ sung, hoàn thiện các quy chế để đưa công tác SXKD, quản lý các mặt của Công ty vào nề nếp.

2. Tăng cường hoạt động của HĐQT trong các mặt quản lý, giám sát các mặt hoạt động của Công ty, của các cán bộ điều hành Công ty nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động của các đơn vị, khắc phục các khó khăn, yếu kém tồn tại.

3. Phối hợp chặt chẽ với Tổng Công ty Đầu tư Phát triển hạ tầng đô thị UDIC trong việc xác định giá trị DN và công tác thoái vốn Nhà nước tại DN, đảm bảo kế hoạch Thành phố giao và định hướng hoạt động của Công ty trong những năm tiếp theo.

V. BÁO CÁO TÀI CHÍNH

A. BÁO CÁO TÀI CHÍNH TÓM TẮT NĂM 2018

1. Bảng cân đối kế toán

Tài sản

Tài sản	Ngày 31/12/2018	Ngày 31/12/2017
A. Tài sản ngắn hạn	45,809,808,369	50,449,915,542
1. Tiền và các khoản tương đương tiền	222,540,035	2,411,721,027
2. Các khoản phải thu ngắn hạn	32,077,670,457	35,782,016,224
3. Hàng tồn kho	13,509,597,877	12,256,178,291
4. Tài sản ngắn hạn khác		-
B. Tài sản dài hạn	2,867,517,692	3,931,773,321
I. Tài sản cố định	2,287,729,186	2,417,396,949
1. Tài sản cố định hữu hình	2,287,729,186	2,417,396,949
II. Tài sản dài hạn khác	579,788,506	1,514,376,372
1. Chi phí trả trước dài hạn	579,788,506	1,514,376,372
Tổng cộng tài sản (A+B)	48,677,326,061	54,381,688,863

Nguồn vốn

Nguồn vốn	Ngày 31/12/2018	Ngày 31/12/2017
A. Nợ phải trả	36,774,563,293	41,981,882,184
I. Nợ ngắn hạn	36,774,563,293	41,200,512,284
II. Nợ dài hạn		781,369,900
B. Vốn chủ sở hữu	11,902,762,768	12,399,806,679
I. Vốn chủ sở hữu	11,902,762,768	12,399,806,679
1. Vốn góp của chủ sở hữu	10,000,000,000	10,000,000,000
2. Thặng dư vốn cổ phần	1,542,301	1,542,301
3. Quỹ đầu tư phát triển	1,818,265,143	1,803,265,143
4. Lợi nhuận sau thuế chia phân phối	82,955,324	594,999,235
Tổng cộng Nguồn vốn (A+B)	48,677,326,061	54,381,688,863

2. Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

TT	Chỉ tiêu	Mã số	Năm 2018	Năm 2017
1	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	10,913,828,383	19,603,122,369
2	Các khoản giảm trừ	02	-	69,438,397
3	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	10	10,913,828,383	19,533,683,972
4	Giá vốn hàng bán	11	7,189,086,690	15,830,395,888
5	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20	3,724,741,693	3,703,288,084
6	Doanh thu hoạt động tài chính	21	2,006,043	9,946,705
7	Chi phí hoạt động tài chính	22	137,298,793	182,115,100
8	Chi phí bán hàng	24	-	-
9	Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	5,532,773,118	6,181,535,981
10	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20+(21-22)-(24+25))	30	(1,943,324,175)	(2,650,416,292)
11	Thu nhập khác	31	2,381,798,421	3,808,701,104
12	Chi phí khác	32	265,596,635	329,487,815
13	Lợi nhuận khác	40	2,116,201,786	3,479,213,289
14	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50	172,877,611	828,796,997
15	Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	89,922,287	233,797,762
16	Lợi nhuận sau thuế TNDN (60= 50-51)	60	82,955,324	594,999,235
17	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	83	595

3. Các chỉ tiêu tài chính cơ bản

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2018	Năm 2017
1	Cơ cấu tài sản - Tài sản dài hạn/ Tổng tài sản - Tài sản ngắn hạn/Tổng tài sản	%	5.89% 94.11%	7.23% 92.77%
2	Cơ cấu nguồn vốn - Nợ phải trả/Tổng nguồn vốn - Nguồn vốn chủ sở hữu/Tổng nguồn vốn	%	75.55% 24.45%	77.20% 22.80%
3	Khả năng thanh toán - Khả năng thanh toán nhanh - Khả năng thanh toán hiện hành	lần lần	0.88 1.25	0.93 1.22
4	Tỷ suất lợi nhuận - ROA (Lợi nhuận sau thuế/tổng tài sản) - ROE (Lợi nhuận sau thuế/ Nguồn vốn chủ sở hữu)	%	0.17% 0.70%	1.09% 4.80%

B. Ý KIẾN CỦA KIỂM TOÁN

Báo cáo tài chính năm 2018 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH kiểm toán và tư vấn UHY kèm theo Báo cáo kiểm toán độc lập số: 181/2019/UHY-BCKT ngày 30/3/2019.

Cơ sở của ý kiến ngoại trừ

Đến ngày lập Báo cáo này, chúng tôi chưa thu thập được đầy đủ thư xác nhận số dư phục vụ mục đích kiểm toán của các khoản công nợ phải thu từ bên thứ ba, cụ thể các khoản công nợ chưa được đối chiếu, xác nhận như sau: Phải thu khách hàng, Người mua trả tiền trước, Phải trả người bán tương ứng với số dư lần lượt là 12.200.070.802 đồng, 9.578.686.861 đồng và 1.606.726.299 đồng. Đồng thời, bao gồm nhiều khoản Phải thu khách hàng tồn đọng trên 02 năm với giá trị 11.036.269.713 đồng chưa được trích lập dự phòng. Các thủ tục kiểm toán thay thế khác không đem lại cho chúng tôi đầy đủ bằng chứng thích hợp về tính hiện hữu, đầy đủ và khả năng thu hồi của số dư các khoản mục công nợ chưa được đối chiếu, xác nhận cũng như ảnh hưởng của chúng đến các chỉ tiêu có liên quan trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018 của Công ty.

Tại thời điểm 31/12/2018, Công ty Cổ phần Tư vấn và Đầu tư Xây dựng CCIC đang ghi nhận trên khoản mục Hàng tồn kho một số dự án tồn đọng trên 02 năm với giá trị 5.208.892.819 đồng. Chúng tôi không đánh giá được lợi ích kinh tế trong tương lai và khả năng thu hồi của các dự án này cũng như ảnh hưởng (nếu có) của chúng đến các chỉ tiêu có liên quan trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018 của Công ty.

Ý kiến kiểm toán ngoại trừ:

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của các vấn đề nêu tại đoạn « Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ », Báo cáo tài chính đính kèm đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty CP tư vấn và đầu tư xây dựng CCIC Hà Nội tại ngày 31/12/2018 cũng như kết quả hoạt động SXKD và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Chủ tịch 

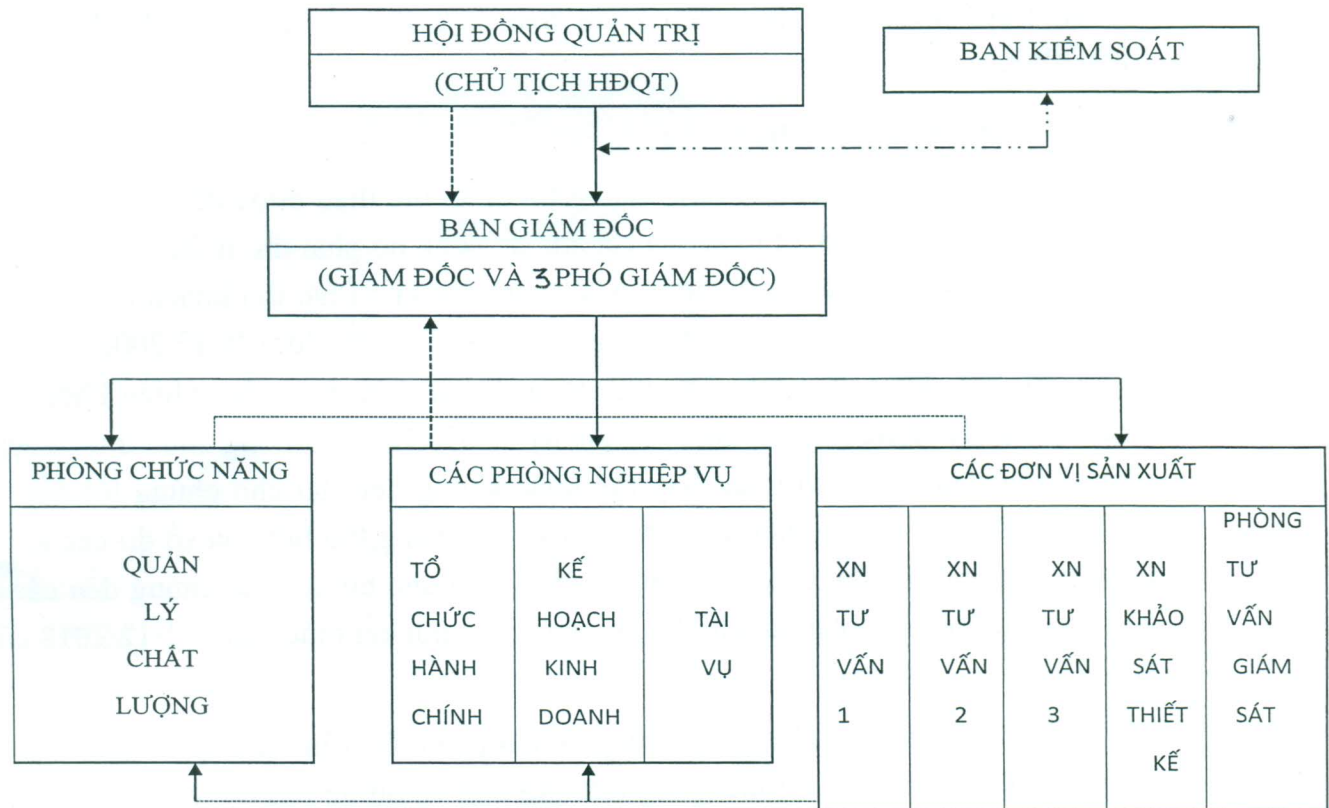
Nơi gửi:

- UBCKNN, Sở GDCKHN
- Website CCIC
- Lưu TCHC




Nguyễn Quốc Hùng

Phụ lục 1 – Sơ đồ Cơ cấu tổ chức và quản lý Công ty



- Mối quan hệ chủ đạo: —————>
- Mối quan hệ kiểm tra: - - - ->
- Mối quan hệ phản hồi, tham mưu: ----->
- Mối quan hệ qua lại: <----->

Ghi chú: Từ 01/9/2018, Xí nghiệp TV3 được sát nhập vào Xí nghiệp TV2

Phụ lục 2 – Danh sách Ban điều hành

1. Ông Đặng Văn Châu – Thành viên HĐQT – Giám đốc công ty

Họ và tên	Đặng Văn Châu
Số CMTND/Hộ chiếu	011078481
Giới tính	Nam
Ngày tháng năm sinh	28/3/1961
Nơi sinh	Hà Nội
Quốc tịch	Việt Nam
Dân tộc	Kinh
Quê quán	An Ninh - Tiền Hải - Thái Bình
Địa chỉ thường trú	240 - B1 - Tổ 30 - P. Phương Liên - Q. Đống Đa, Hà Nội
Điện thoại liên lạc ở cơ quan	024 37760091
Trình độ văn hoá	10/10
Trình độ chuyên môn	Kỹ sư thủy lợi
Chức vụ công tác hiện nay tại TC ĐKGD	Thành viên hội đồng quản trị, Giám đốc Công ty
Chức vụ công tác hiện tại tại TC khác	Không
Số cổ phần cá nhân sở hữu	79.380 cổ phần (chiếm 7,94% vốn điều lệ)
Số cổ phần đại diện Tổng Công ty Đầu tư Phát triển Hạ tầng đô thị UDIC	150.000 cổ phần (chiếm 15% vốn điều lệ)

2. Ông Đỗ Đình Long – Thành viên HĐQT – Phó Giám đốc công ty

Họ và tên	Đỗ Đình Long
Số CMTND/Hộ chiếu	011765062
Giới tính	Nam
Ngày tháng năm sinh	25/11/1958
Nơi sinh	Hà Nội
Quốc tịch	Việt Nam
Dân tộc	Kinh
Quê quán	Phường Thượng Đình - Q. Thanh Xuân - HN
Địa chỉ thường trú	27A Phố Văn Miếu - P. Văn Miếu - Q. Đống Đa, Hà Nội
Điện thoại liên lạc ở cơ quan	024 37730604
Trình độ văn hoá	10/10
Trình độ chuyên môn	Thạc sỹ kỹ thuật xây dựng công trình giao thông
Chức vụ công tác hiện nay tại TC ĐKGD	Thành viên Hội đồng quản trị Phó Giám đốc Công ty kiêm Giám đốc Xí nghiệp Tư vấn 2
Chức vụ công tác hiện tại tại TC khác	Không
Số cổ phần cá nhân sở hữu	25.670 cổ phần chiếm 2,57% vốn điều lệ
Số cổ phần đại diện NN	Không

3. Bà Phan Thị Lan Hương - Phó giám đốc công ty

Họ và tên	Phan Thị Lan Hương
Số CMTND/Hộ chiếu	010246618
Giới tính	Nữ
Ngày tháng năm sinh	20/6/1961
Nơi sinh	Hà Nội
Quốc tịch	Việt Nam
Dân tộc	Kinh
Quê quán	Xã Sài Sơn - Huyện Quốc Oai - TP Hà Nội
Địa chỉ thường trú	Số 12 - Dãy B6b Tập thể Thành Công - Phường Thành Công - Ba Đình - Hà Nội
Điện thoại liên lạc ở cơ quan	024 37730116
Trình độ văn hoá	10/10
Trình độ chuyên môn	Thạc sỹ quản lý đô thị
Chức vụ công tác hiện nay tại TC ĐKGD	Phó Giám đốc Công ty
Số cổ phần cá nhân sở hữu	Không
Số cổ phần đại diện NN	Không

4. Ông Bùi Đỗ Trọng Hùng - Phó giám đốc công ty

Họ và tên	Bùi Đỗ Trọng Hùng
Số CMTND/Hộ chiếu	011423713
Giới tính	Nam
Ngày tháng năm sinh	20/3/1964
Nơi sinh	Hà Nội
Quốc tịch	Việt Nam
Dân tộc	Kinh
Quê quán	Phường Thụy Khuê - Quận Tây Hồ - HN
Địa chỉ thường trú	19 Lương Ngọc Quyến - Phường Hàng Buồm - Q. Hoàn Kiếm - Hà Nội
Điện thoại liên lạc ở cơ quan	024 37730540
Trình độ văn hoá	10/10
Trình độ chuyên môn	Kỹ sư xây dựng
Chức vụ công tác hiện nay tại TC ĐKGD	Phó Giám đốc Công ty
Số cổ phần cá nhân sở hữu	Không
Số cổ phần đại diện NN	Không

5. Bà Nguyễn Thị Thu Huyền – Thành viên HĐQT – Kế toán trưởng

Họ và tên	Nguyễn Thị Thu Huyền
Số CMTND/Hộ chiếu	011862778
Giới tính	Nữ
Ngày tháng năm sinh	28/02/1975
Nơi sinh	Hà Nội
Quốc tịch	Việt Nam

Dân tộc	Kinh
Quê quán	Thuần Mỹ - Ba Vì - Hà Tây
Địa chỉ thường trú	Số 5 ngách 495/3 Đường Nguyễn Trãi - Q. Thanh Xuân – Hà Nội
Điện thoại liên lạc ở cơ quan	024 37730037
Trình độ văn hoá	12/12
Trình độ chuyên môn	Cử nhân kế toán
Chức vụ công tác hiện nay tại TC ĐKGD	Thành viên Hội đồng quản trị Kế toán trưởng - Trưởng Phòng Tài vụ
Số cổ phần cá nhân sở hữu	4.000 cổ phần chiếm 0,40% vốn điều lệ
Số cổ phần đại diện NN	Không